TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16/5/2018
V/v "*Tranh chấp ly hôn, về nuôi con chung* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cá

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Huỳnh Minh Trung

Bà Trần Thu Hận

- ***Thư ký phiên Tòa*** : Bà Huỳnh Thị Phượng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riề ng***: Không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 55/2018/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2018 vụ tranh chấp "Ly hôn, về nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số : 14/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 27 tháng 04 năm 2018, giữa :

Nguyên đơn: Anh Trương Văn Đ, sinh năm: 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Số 392/4/9, Đường Trần Khánh D, khu phố 7, phường An H, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Chị Dương Mỹ N, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Năm H, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/01/2018 và trong quá trình xét xử , nguyên đơn anh Trương Văn Đ trình bày: Anh và chị N lấy nhau do hai bên tự tìm hiểu , được hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới năm 2004, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 10 năm thì bắt đầu không còn hạnh phúc , phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân, do chị N tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp N sống từ năm 2016 cho đến nay. Từ đó, dẫn đến tình cảm ngày càng rạn nứt, tuy bản thân anh muốn duy trì hôn nhân để vợ chồng cùng chăm lo cho các con nhưng không

có kết quả. Anh và chị N đã sống ly thân từ năm 2016 cho tới nay. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 đứa con chung tên Trương Thị Bích Ch, sinh ngày 24/04/2005 và Trương Thị Bích T, sinh ngày 10/01/2009, hiện đang sống chung với anh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả hỏi tại phiên Tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" giữa anh và chị N. Theo quy định tại khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 01 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Chị N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thủ tục tố tụng nhưng chị không làm văn bản nêu ý kiến về việc anh Đ yêu cầu ly hôn với chị, không tham gia phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị N vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của chị N không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 02 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Dương Mỹ N.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Dương Mỹ N trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh K nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng đã không tự hòa giải được những mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, anh chị đã sống ly thân từ tháng 4/2016 cho đến nay. Anh Đ xác định không còn tình cảm với chị N nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa anh Đ và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Xử chấp nhận cho anh Trương Văn Đ ly hôn với chị Dương Mỹ N.

{2.2} Về con chung: Anh Đá xác định anh và chị Nghi có 2 người con chung tên Trương Thị Bích Ch, sinh ngày 24/04/2005 và Trương Thị Bích T, sinh ngày 10/01/2009, hiện đang sống chung với anh Đ, anh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Trong suốt quá trình thụ lý Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định cho chị N nhưng chị N không có ý kiến gì về việc anh Đ xin tiếp tục nuôi dưỡng 02 con. Đồng thời, tại bản tự khai đề

ngày 16/01/2018 của 02 cháu Ch và T đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh Đ sau khi cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi anh Đ và chị N sống ly thân cho đến nay, hai cháu Trương Thị Bích Ch và Trương Thị Bích T vẫn sống với anh Đ, anh vẫn chăm sóc 02 cháu phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, chị N không quan tâm chăm sóc và nuôi dưỡng. Cho nên, áp dụng khoản 02 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình xử giao 02 cháu Trương Thị Bích Ch, sinh ngày 24/04/2005 và Trương Thị Bích T, sinh ngày 10/01/2009 cho anh Trương Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Chị Dương Mỹ N có quyền đến thăm nom , chăm sóc, giáo dục con chung , không ai có quyền ngăn cấm.

{2.3} Về tài sản chung: Không có.

{2.4} Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm anh Trương Văn Đ phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm án án phí mà anh Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002387 ngày 01/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng . Anh Đ đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 02 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 01 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử chấp nhận cho anh Trương Văn Đ được ly hôn với chị Dương Mỹ N.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Trương Thị Bích Ch, sinh ngày 24/04/2005 và Trương Thị Bích T, sinh ngày 10/01/2009 cho anh Trương Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Anh Trương Văn Đ không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Chị N có quyền đến thăm nom , chăm sóc, giáo dục con chung , không ai có quyền ngăn cấm.

3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm anh Trương Văn Đ phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm án phí anh Đá đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002387 ngày 01/03/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh Đ đã nộp đủ.

Anh Đ và chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; anh Đ được tính kể ngày tuyên án (ngày 16/5/2018). Chị N được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục thi hành án;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, Vp